

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	19	1,46m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	19	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	7272,5(m ²)	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	50(m ²)	
2	Diện tích thư viện (m ²)	70(m ²)	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	100(m ²)	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50(m ²)	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	50(m ²)	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	21,5(m ²)	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	91(m ²)	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	140	35
1.2	Khối lớp 2	0	0
1.3	Khối lớp 3	0	0
1.4	Khối lớp 4	0	0
1.5	Khối lớp 5	0	0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	99	33

2.3	Khối lớp 3	138	35
2.4	Khối lớp 4	115	38
2.5	Khối lớp 5	118	30
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	0	0
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	0
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	19	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	Không có
XI	Nhà ăn	Không có

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	8 (352m ²)	288	1.2m ²
XIII	Khu nội trú	Không có	Không có	Không có

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.07
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quảng Yên , ngày 09 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Phương Hoa